

201 Số thuê bao điện thoại Number of telephone subscribers

	Tổng số <i>Total</i>	Chia ra - <i>Of which</i>	
		Di động <i>Mobi-phone</i>	Cố định <i>Telephone</i>
Thuê bao - <i>Subscriber</i>			
2013	1.282.000	1.211.000	71.000
2014	1.329.000	1.258.000	71.000
2015	1.140.100	1.106.900	33.200
2016	1.109.619	1.080.126	29.493
Sơ bộ - <i>Prel. 2017</i>	1.068.353	1.041.822	26.531
Chỉ số phát triển (Năm trước =100) - % <i>Index (Previous year = 100) - %</i>			
2013	111,23	115,49	100,00
2014	103,67	103,88	100,00
2015	85,79	87,99	46,76
2016	97,33	97,58	88,83
Sơ bộ - <i>Prel. 2017</i>	96,28	96,45	89,96

202 Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động và internet Share of mobile-phone and internet users

	Đơn vị tính - <i>Unit: %</i>				
	2013	2014	2015	2016	Sơ bộ <i>Prel. 2017</i>
Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động <i>Share of mobile-phone users</i>	124,42	129,16	120,08	117,17	108,24
Tỷ lệ người sử dụng internet <i>Share of internet users</i>	23,40	26,30	30,68	33,10	51,68

203 Số thuê bao internet

Number of internet subscribers

	Tổng số <i>Total</i>	Chia ra - <i>Of which</i>	
		Di động <i>Mobile internet services</i>	Cố định (Dial-up, ADSL...) <i>Fixed internet services</i>
Thuê bao - <i>Subscriber</i>			
2013	216.449	2.468	213.981
2014	242.803	2.962	239.841
2015	282.845	3.536	279.309
2016	302.911	3.211	299.700
Sơ bộ - <i>Prel. 2017</i>	504.073	5.298	498.775
Chỉ số phát triển (Năm trước =100) - % <i>Index (Previous year = 100) - %</i>			
2013	113,07	118,59	112,52
2014	112,18	120,02	112,09
2015	116,49	119,38	116,46
2016	107,09	90,81	107,30
Sơ bộ - <i>Prel. 2017</i>	166,41	165,00	166,42